



ĐỀ DỰ ÁN CHICKEN MINDS
BAN CHUYÊN MÔN SINH HỌC

KÌ THI THỬ TUYỂN SINH LỚP 10 THPT CHUYÊN
NĂM HỌC 2024 – 2025

HƯỚNG DẪN CHẤM THI
Đề thi thử đợt 1

Môn thi: **SINH HỌC**

Ngày làm bài thi: **16/3/2024 – 30/3/2024**

Thời gian làm bài: **150 phút** (không kể thời gian phát đề)

Hướng dẫn chấm thi gồm 08 trang

I. HƯỚNG DẪN CHUNG

1. Giám khảo chấm đúng theo Hướng dẫn chấm thi của Dự án Chicken Minds – Tổ chức The Gifted Battlefield.
2. Nếu thí sinh có cách trả lời khác đáp án nhưng đúng thì giám khảo vẫn chấm điểm theo biểu điểm của Hướng dẫn chấm thi.
3. Giám khảo không quy tròn điểm thành phần của từng câu, điểm của bài thi.

II. ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM

Câu	Ý	Nội dung	Điểm	
Câu I. (1 điểm)	1	a	Hãy tính lượng CO₂ trong mỗi lít khí thở ra của người này.	0,25
			<i>Nếu thí sinh không trình bày cách giải thì không cho điểm. Nếu cách giải sai mà ra được đáp số đúng thì cho 0,125đ.</i>	
		- Nồng độ oxy khí quyển là 210 mL/L - Nồng độ oxy khí thở ra là 170 mL/L ⇒ Lượng oxy tiêu thụ là 40 mL Mà RQ = 0,7 ⇒ Lượng CO ₂ thải ra là 40 x 0,7 = 28 mL	0,25	
	b	Giá trị RQ khi sử dụng glucose hay palmitic acid làm nguyên liệu cho hô hấp là lớn hơn? Giải thích	0,25	
		<i>Nếu thí sinh không trình bày cách giải thì không cho điểm. Nếu cách giải sai mà ra được đáp số đúng thì cho 0,125đ.</i>		
		RQ khi chuyển hóa glucose là 6/6 = 1 RQ khi chuyển hóa palmitic acid = 16/23 = 0,696 (chấp nhận từ 0,695 đến 0,7) ⇒ RQ chuyển hóa của glucose lớn hơn palmitic acid	0,25	
	2	Các loài động vật ở dưới nước và ở trên cạn có thể có những hình thức hô hấp nào?	0,5	
Các hình thức hô hấp của động vật ở dưới nước:		0,05		
- Hô hấp qua bề mặt cơ thể (giun ở nước,...)				
- Hô hấp bằng mang (cá, tôm, cua,...)		0,1		
- Một số hô hấp bằng phổi: cá heo, cá voi,... sau khi ở dưới nước một thời gian chúng sẽ ngoi lên mặt nước để thở		0,1		
Các hình thức hô hấp của động vật ở cạn:		0,1		
- Hô hấp bằng hệ thống ống khí (côn trùng,...)				
- Hô hấp bằng phổi (chim, thú,...)	0,1			
- Hô hấp qua bề mặt cơ thể (giun đất,...)	0,05			

Câu	Ý	Nội dung	Điểm
Câu II. (2 điểm)	1	Quá trình nhân đôi DNA tuân theo các nguyên tắc nào?	0,375
		<i>Mỗi nguyên tắc đúng được 0,125đ</i>	
		Nguyên tắc khuôn mẫu: Dùng 2 mạch của DNA mẹ làm khuôn tạo nên DNA con	0,125
		Nguyên tắc bổ sung: Các nucleotide ở mạch khuôn liên kết với nucleotide tự do trong môi trường nội bào theo nguyên tắc: A liên kết với T và ngược lại, G liên kết với X và ngược lại.	0,125
		Nguyên tắc bán bảo toàn: Trong mỗi DNA con có 1 mạch của DNA mẹ (mạch cũ), mạch còn lại mới được tổng hợp.	0,125
2	a	Đột biến gene là gì?	0,125
		Đột biến gene là những biến đổi trong cấu trúc của gene liên quan đến một hoặc một số cặp nucleotide.	0,125
	b	Nêu các nguyên nhân có thể làm phát sinh đột biến gene?	0,5
		<i>Mỗi nguyên nhân đúng được 0,125đ.</i> - Tác nhân vật lí: tia phóng xạ (tia X, tia gamma, chùm neutron...), tia tử ngoại, sức nhiệt (do thay đổi nhiệt độ đột ngột)... - Tác nhân hóa học: các thuốc trừ sâu, các chất độc hóa học,... - Tác nhân sinh học: virus viêm gan B, virus herpes,... - Do rối loạn quá trình sinh lí, sinh hóa trong tế bào dẫn đến kết cặp sai trong quá trình nhân đôi DNA làm phát sinh đột biến gen.	0,5
	c	Vì sao đột biến gene, nếu biểu hiện ra kiểu hình, thì thường gây hại cho thể đột biến?	0,125
		Đột biến gen thể hiện ra kiểu hình thì thường có hại cho bản thân sinh vật vì chúng phá vỡ sự thống nhất hài hòa trong kiểu gen đã qua chọn lọc và duy trì lâu đời trong điều kiện tự nhiên, gây ra những rối loạn trong quá trình tổng hợp protein.	0,125
	3	a	Nhìn chung, khi lượng mRNA của một gene càng lớn thì lượng protein của gene đó càng lớn hay càng nhỏ? Nguyên nhân nào dẫn đến mối quan hệ này?
- Nhìn chung, khi lượng mRNA của một gene càng lớn thì lượng protein của gene đó càng lớn.			0,125
- mRNA là khuôn cho quá trình dịch mã (tổng hợp protein) → lượng mRNA càng lớn thì số lần dịch mã càng nhiều, lượng protein tương ứng càng lớn.			0,125
b		Có phải mọi gene có cùng nồng độ mRNA trong tế bào thì cũng sẽ có cùng nồng độ protein hay không? Giải thích.	0,125
		- Không phải mọi gene có cùng nồng độ mRNA trong tế bào thì cũng sẽ có cùng nồng độ protein. - Vì số liệu cho thấy có những gene có cùng nồng độ mRNA nhưng có nồng độ protein rất khác nhau.	0,125
c		Khảo sát sự hiện diện của 2 protein trong tế bào gan do 2 gene khác nhau mã hóa cho thấy, lượng protein A nhiều gấp 1.5 lần so với protein B. Hãy nêu 4 lý do có thể dẫn đến sự khác biệt này.	0,5
	<i>Mỗi lý do đúng được 0,125đ. Nếu đáp án của thí sinh khác với đáp án nhưng đúng thì vẫn được chấm điểm. Thí sinh có 4 lý do đúng được chấm trọn 0,5đ.</i>		

Câu	Ý	Nội dung	Điểm	
		<ul style="list-style-type: none"> - Gene A có nhiều bản sao trong bộ gene hơn so với gene B. - Gene A có trình tự điều hòa cho phép phiên mã thường xuyên hơn so với gene B. - Gene A nằm ở vùng nhiễm sắc thể tháo xoắn nhiều hơn so với gene B. - mRNA của gene A được phiên mã thường xuyên hơn so với gene B. - Số lượng ribosome dịch mã đồng thời trên mRNA của gene A là nhiều hơn mRNA của gene B. - Kích thước protein của gene A ngắn hơn nhiều so với gene B (nên dịch mã nhanh hơn). - Trình tự mRNA của gene A cho phép ribosome dịch mã với tốc độ cao hơn mRNA của gene B. - Protein B kém bền hơn protein A. - 2 protein có bậc cấu trúc khác nhau (protein A là protein bậc 3, còn protein B là protein bậc 4 gồm một số chuỗi tạo thành) - Protein B được tiết ra khỏi tế bào (hoặc protein A được tích lũy trong tế bào). 	0,5	
Câu III. (1,5 điểm)	1	a	Bệnh do allele (<u>alen</u>) trội hay allele lặn gây ra? Gene gây bệnh nằm trên nhiễm sắc thể thường hay nhiễm sắc thể giới tính? Giải thích.	0,25
			- Bệnh do allele trội.	0,125
			- Gene gây bệnh nằm trên NST thường.	0,125
			- Giải thích: Do vi phạm quy tắc di truyền chéo (Bố bị bệnh thì con gái phải bị bệnh và mẹ bị bệnh thì con trai phải bị bệnh). Nếu gene gây bệnh nằm trên NST X vùng không tương đồng thì người II - 2 không thể nào bị bệnh do đã nhận NST Y từ bố và người mẹ I - 2 không có alen gây bệnh. Nếu gene gây bệnh nằm trên vùng không tương đồng NST Y thì con gái không thể bị bệnh.	
			<i>Thí sinh có thể giải thích cách khác, nếu hợp lý vẫn được trọn điểm mỗi ý. Đúng ý nào được điểm ý đó. Nếu không có giải thích thì chỉ cho tối đa 0,125đ.</i>	
	b	Nếu người phụ nữ III-2 kết hôn với một người đàn ông không mang gene bệnh, hãy tính xác suất để người con đầu lòng của họ biểu hiện kiểu hình bệnh Huntington ở độ tuổi 40.	0,25	
		Gọi A là gene mang bệnh, a là gene quy định kiểu hình bình thường. Người II - 3 mang kiểu gene dị hợp Aa kết hôn với người II - 4 không bệnh mà có con III.2 bị bệnh. ⇒ II.4 có kiểu gene aa, III.2 có kiểu gene Aa	0,125	
		Người III - 2 mang kiểu gene dị hợp Aa kết hôn với người đàn ông không mang gene bệnh (aa) Ta có phép lai của cặp vợ chồng trên: P: Aa x aa ⇒ Tỷ lệ xuất hiện kiểu gene Aa biểu hiện bệnh là: $\frac{1}{2}$ Mà 60% những người mang kiểu gene bệnh biểu hiện ra kiểu hình ở độ tuổi 40. ⇒ Xác suất để người con đầu lòng của họ biểu hiện kiểu hình bệnh Huntington ở độ tuổi 40 là: $\frac{1}{2} \cdot 60\% = 30\%$	0,125	



Câu	Ý	Nội dung	Điểm	
	c	<p>Người phụ nữ III-1 cũng kết hôn với một người đàn ông không mang gene bệnh. Con trai đầu lòng của họ hiện đã 45 tuổi và không biểu hiện bệnh. Hãy tính xác suất người con trai này có cùng kiểu gene với mẹ của mình.</p>	0,25	
		<p><i>Thí sinh giải đúng hoàn chỉnh theo một trong hai cách sau thì được trọn 0,25đ.</i></p>		
		<p>Xác suất cùng kiểu gen = xác suất người này Aa</p> $= \frac{\frac{1}{2} \text{ Aa của phép lai} \times \text{xác suất Aa không biểu hiện ở 40 tuổi}}{\text{tổng xác suất bình thường}} = \frac{\frac{1}{2} \times 40\%}{1 - \frac{1}{2} \times 60\%} = 0,286\%$		
		<p>Xác suất Aa không bệnh = $\frac{1}{2} \times 40\%$ Xác suất aa không bệnh = $\frac{1}{2} \times 100\%$ \Rightarrow Xác suất người này là Aa không bệnh = $\frac{\frac{1}{2} \times 40\%}{\text{tổng xác suất ở trên}} = \frac{20\%}{70\%} = 0,286\%$</p>		
	2	a	<p>Nguyên lý của sự liên kết đặc hiệu của các mẫu dò lên nhiễm sắc thể là gì?</p>	0,125
			<p>Các nucleotide luôn có xu hướng bắt cặp với nhau theo nguyên tắc bổ sung. Do đó, nếu các đoạn mẫu dò có trình tự gồm các nucleotide bổ sung chính xác với trình tự trên nhiễm sắc thể, chúng có thể liên kết với nhiễm sắc thể nhờ liên kết hydrogen.</p>	0,125
	b		<p>Kết quả ảnh phân tích có thể có 3 màu huỳnh quang được ghi nhận: đỏ, xanh lá cây và vàng. Mỗi màu huỳnh quang có ý nghĩa gì?</p>	0,375
			<p><i>Mỗi ý đúng được 0,125đ.</i></p>	
			<ul style="list-style-type: none"> - Màu huỳnh quang đỏ đại diện cho nhiễm sắc thể số 9 nguyên vẹn. - Màu huỳnh quang xanh lá cây đại diện cho nhiễm sắc thể số 22 nguyên vẹn. - Màu huỳnh quang vàng đại diện cho nhiễm sắc thể Philadelphia. 	0,375
	c		<p>Kết quả ảnh phân tích của người đồng hợp tử chuyển đoạn và người dị hợp tử chuyển đoạn có sự khác nhau về màu huỳnh quang thu được như thế nào? Giải thích.</p>	0,25
<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp dị hợp tử chuyển đoạn: ta có thể quan sát thấy màu huỳnh quang đỏ, xanh lá và vàng. Còn trường hợp đồng hợp tử chuyển đoạn: ta chỉ quan sát thấy màu huỳnh quang vàng. 			0,125	
<ul style="list-style-type: none"> - Vì người dị hợp tử chuyển đoạn sẽ có một nhiễm sắc thể Philadelphia, một nhiễm sắc thể số 9 nguyên vẹn và một nhiễm sắc thể số 22 nguyên vẹn. Người đồng hợp tử chuyển đoạn sẽ chỉ có 2 nhiễm sắc thể Philadelphia. 			0,125	
Câu IV. (1,5 điểm)	1	a	<p>Hãy phân biệt giữa lai tạo giống mới và lai cải tiến giống.</p>	0,5
			<p><u>Mục đích:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Lai cải tiến giống: Dùng giống cao sản để cải tạo giống có năng suất thấp. - Lai tạo giống mới: Để sử dụng ưu thế lai, đồng thời tạo giống mới. 	0,125
			<p><u>Phương pháp thực hiện:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Lai cải tạo giống: + Dùng con đực giống ngoại cao sản cho phối với con cái tốt nhất của địa phương được con lai F1. 	0,25

Câu	Ý	Nội dung	Điểm
		<ul style="list-style-type: none"> + Sau đó dùng con cái F1 tốt nhất cho phối trở lại với con đực giống cao sản được F2. + Rồi dùng con cái tốt nhất F2 cho phối trở lại với con đực giống cao sản được F3... + Cứ như thế sau 4 đến 5 lần liên tiếp. - Lai tạo giống mới + Dùng phương pháp lai khác thứ lai giữa hai thứ hoặc lai tổng hợp nhiều thứ có nguồn gene khác nhau. + Cần chọn lọc rất công phu vì trong các thế hệ lai có sự phân tính. 	
		<p><u>Kết quả:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Lai cải tạo giống: + Giống địa phương được cải tạo gần như giống ngoại thuần chủng. + Về mặt di truyền học, phương pháp lai cải tiến giống ban đầu làm tăng tỉ lệ thể dị hợp sau đó tăng dần tỉ lệ thể đồng hợp. - Lai tạo giống mới: Tạo ra giống mới phối hợp được đặc tính quý của hai giống bố mẹ 	0,125
	b	Phép lai kinh tế là gì?	0,25
		Lai kinh tế là phép lai cho giao phối giữa cặp nuôi vật bố mẹ thuộc hai dòng thuần khác nhau rồi dùng con lai F1 làm sản phẩm, không dùng làm giống.	0,25
2	a	<p>Cho F1 giao phấn với nhau, hãy xác định tỉ lệ kiểu hình F2.</p> <p>F1 có kiểu gen $\frac{1}{6}AAaa$, $\frac{4}{6}Aaaa$, $\frac{1}{6}aaaa$</p> <p>Do F1 giao phấn ngẫu nhiên, ta có loại giao tử aa chiếm tỉ lệ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - $\frac{1}{6}AAaa$ sẽ cho giao tử aa = $\frac{1}{36}$ - $\frac{4}{6}Aaaa$ sẽ cho giao tử aa = $\frac{2}{6}$ - $\frac{1}{6}aaaa$ sẽ cho giao tử aa = $\frac{1}{6}$ <p>⇒ Thế hệ F1 sẽ cho giao tử aa với tỉ lệ</p> $\frac{1}{36} + \frac{2}{6} + \frac{1}{6} = \frac{19}{36}$ <p>⇒ Ở đời F2, kiểu hình lặn (aaaa) chiếm tỉ lệ</p> $\left(\frac{19}{36}\right)^2 = \frac{361}{1296}$ <p>⇒ Tỉ lệ kiểu hình là 935 cây thân cao : 361 cây thân thấp</p>	0,25
	b	<p>Cho F1 tự thụ phấn, hãy xác định tỉ lệ kiểu hình F2.</p> <p>F1 có kiểu gen $\frac{1}{6}AAaa$, $\frac{4}{6}Aaaa$, $\frac{1}{6}aaaa$</p> <p>Do F1 tự thụ phấn, ta có:</p> <p>$\frac{1}{6}AAaa$ tự thụ phấn sẽ cho đời con có kiểu hình đồng hợp lặn</p> $(aaaa) = \frac{1}{6} \cdot \frac{1}{36} = \frac{1}{216}$ <p>$\frac{4}{6}Aaaa$ tự thụ phấn sẽ cho đời con có kiểu hình đồng hợp lặn</p> $(aaaa) = \frac{4}{6} \cdot \frac{1}{4} = \frac{1}{6}$	0,25



Câu	Ý	Nội dung	Điểm
		$\frac{1}{6}$ aaaa tự thụ phấn sẽ cho đời con có kiểu hình đồng hợp lặn $(aaaa) = \frac{1}{6}$ \Rightarrow Ở đời F2, kiểu hình lặn (aaaa) chiếm tỉ lệ $\frac{1}{216} + \frac{1}{6} + \frac{1}{6} = \frac{73}{216}$ \Rightarrow Tỉ lệ kiểu hình là 143 cây thân cao : 73 cây thân thấp	
	c	Ở F1, loại bỏ toàn bộ các cây thân thấp, sau đó cho các cây thân cao giao phần ngẫu nhiên. Hãy xác định tỉ lệ kiểu hình ở F2.	0,25
		F1 có kiểu gen $\frac{1}{6}$ AAaa, $\frac{4}{6}$ Aaaa, $\frac{1}{6}$ aaaa Sau khi loại bỏ toàn bộ các cây thân thấp, F1 có kiểu gen $\frac{1}{5}$ AAaa, $\frac{4}{5}$ Aaaa Cho các cây F1 này giao phần ngẫu nhiên, ta có: $\frac{1}{5}$ AAaa sẽ cho giao tử aa = $\frac{1}{30}$ $\frac{4}{5}$ Aaaa sẽ cho giao tử aa = $\frac{2}{5}$ \Rightarrow Thế hệ F1 sẽ cho giao tử aa với tỉ lệ $\frac{1}{30} + \frac{2}{5} = \frac{13}{30}$ \Rightarrow Ở đời F2, kiểu hình lặn (aaaa) chiếm tỉ lệ $\left(\frac{13}{30}\right)^2 = \frac{169}{900}$ \Rightarrow Tỉ lệ kiểu hình là 731 cây thân cao : 169 cây thân thấp	0,25
Câu V. (1 điểm)	1	Những trình tự quan trọng nào là bắt buộc phải có trên một đoạn DNA được dùng làm thể truyền để tạo DNA tái tổ hợp và chuyển gene vào vi khuẩn <i>E. coli</i> để biểu hiện và thu nhận protein tái tổ hợp?	0,5
		<i>Mỗi ý đúng được 0,125đ. Tổng điểm không quá 0,5đ.</i>	
		<ul style="list-style-type: none"> - Trình tự khởi đầu nhân đôi cho phép phân tử DNA tái tổ hợp có thể tự nhân đôi và do đó, được duy trì qua các thế hệ tế bào. - Gene đánh dấu (marker) cho phép nhận biết các tế bào đã nhận thể truyền. - Gene đánh dấu cho phép nhận biết các tế bào đã nhận thể truyền ở dạng DNA tái tổ hợp chứ không phải thể truyền nguyên bản. - Trình tự khởi đầu phiên mã cho phép gene được biểu hiện thành mRNA để dịch mã tạo protein tái tổ hợp. - Vị trí nhận diện của enzyme cắt chuyên biệt (enzyme cắt giới hạn) để DNA từ tế bào cho có thể được cài vào thể truyền. 	0,5
2	a	Khi vaccine mRNA được 1 tế bào người thu nhận, tế bào đó sẽ biểu hiện protein, hay protein virus, hay cả hai? Giải thích.	0,25
		Khi vaccine mRNA được 1 tế bào người thu nhận, tế bào đó sẽ biểu hiện cả protein người lẫn protein virus.	0,125
		Vì trong tế bào vẫn có các mRNA của chính nó và sẽ dịch mã ra protein người. Đồng thời, mRNA mã hóa protein virus được hấp thu vào tế bào và dịch mã sẽ biểu hiện protein virus.	0,125

Câu	Ý	Nội dung	Điểm	
	b	Vì sao vaccine mRNA có thể kích hoạt hệ miễn dịch đặc hiệu chống lại virus?	0,25	
		Sự hiện diện của các protein virus trên bề mặt tế bào sống hoặc mảng xác tế bào đã chết có thể hoạt hóa các tế bào lympho T hỗ trợ và lympho B.	0,125	
		Từ đó, gây ra sự sản xuất kháng thể kháng đặc hiệu protein virus và tạo thành dòng tế bào nhớ tương ứng.	0,125	
Câu VI. (2 điểm)	1	Tại sao một số loài côn trùng dường như không sinh sống ở một số sinh cảnh nhất định ngay cả khi điều kiện sống ở nơi đó phù hợp với chúng? Trình bày ý nghĩa thích nghi của hiện tượng này.	1,0	
		- Khi điều kiện sinh sống phù hợp với loài côn trùng nhưng chúng vẫn không sống ở vùng đó có thể là do chúng có được tập tính lựa chọn nơi ở.	0,25	
		- Một khi có nhiều nơi ở mà chúng có thể tồn tại và phát triển được thì chúng sẽ lựa chọn nơi ở tốt nhất. Do vậy tập tính của chúng là yếu tố hạn chế khu vực phân bố của loài.	0,25	
		- Vì năng lượng của sinh vật là có giới hạn nên nếu sống được trên nhiều loài cây khác nhau chúng phải tiêu tốn năng lượng nhiều hơn so với những cá thể chỉ có thể sống được ở trên một hoặc một số ít loài cây.	0,25	
		- Vì vậy, những cá thể có khả năng nhận biết những loài cây (nơi ở) có lợi nhất cho mình sẽ có ưu thế thích nghi để sinh tồn trong tự nhiên.	0,25	
	2	a	Ta có thể kết luận gì từ kết quả nghiên cứu?	0,5
			- Nhìn chung, tỉ lệ của loài con mồi, tức là độ thường gặp, càng tăng thì sự ưa thích của loài săn mồi đối với con mồi đó càng tăng.	0,125
			- Tồn tại một điểm, gọi là điểm uốn, nơi đồ thị biểu diễn sự ưa thích thực tế giao với đồ thị biểu diễn sự ưa thích dự đoán.	0,125
			- Nếu tỉ lệ của loài con mồi trong môi trường thấp hơn giá trị của điểm uốn, loài săn mồi sẽ giảm sự ưa thích đối với loài con mồi đó so với dự đoán.	0,125
		- Nếu tỉ lệ của loài con mồi trong môi trường cao hơn giá trị của điểm uốn, loài săn mồi sẽ tăng sự ưa thích đối với loài con mồi đó so với dự đoán.	0,125	
b	Hãy nêu một số yếu tố quyết định hoành độ của điểm uốn?	0,5		
<i>Nếu thí sinh chỉ trả lời đúng 1 ý thì không cho điểm. Trả lời đúng 2 ý được 0,125đ. Trả lời đúng 3 ý được 0,25đ. Trả lời đúng từ 4 ý trở lên được 0,5đ</i>				
Các yếu tố quyết định hoành độ của điểm uốn:				
<ul style="list-style-type: none"> - Chi phí của việc săn bắt loài con mồi. - Phương thức bắt mồi của loài săn mồi. - Cách loài con mồi lẩn trốn hoặc tự vệ. - Nhu cầu dinh dưỡng của loài săn mồi. - Độ ngon miệng của loài con mồi. - Giá trị dinh dưỡng của loài con mồi. - Sự hiện diện hay vắng mặt của các loài họ hàng gần với loài con mồi trong môi trường. - Độ thường gặp của các loài con mồi khác. 			0,5	



Câu	Ý	Nội dung	Điểm	
Câu VII. (1 điểm)			<i>Đối với mỗi câu trắc nghiệm, nếu trả lời đúng ít hơn 2 trong 4 phương án thì không được điểm, đúng 2 trong 4 phương án được 0,05 điểm, đúng 3 phương án được 0,15 điểm và đúng cả 4 phương án được 0,25 điểm.</i>	1
	1	A	Sai	0,25
		B	Đúng	
		C	Sai	
		D	Đúng	
	2	A	Đúng	0,25
		B	Đúng	
		C	Sai	
		D	Sai	
	3	A	Sai	0,25
		B	Đúng	
		C	Sai	
		D	Sai	
	4	A	Đúng	0,25
		B	Sai	
		C	Sai	
D		Sai		
Tổng điểm bài thi			10,00	